

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HC-ST

Ngày: 28/4/2025

“V/v Khiếu kiện yêu cầu
hủy quyết định hành chính”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Huỳnh Trọng Cần.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Chinh và bà Hoàng Nữ Hảo Tâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Kiều Oanh, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên toà:
Ông Võ Văn Bằng, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2024/TLST-HC ngày 25/7/2024 về việc “Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính”, theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số: 60/2025/QĐXXST-HC ngày 14 tháng 4 năm 2025, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60A/2025/QĐXXBS -HC (bổ sung) ngày 23 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Bùi Thụy L, sinh năm 1956. Địa chỉ: 6 Q, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Nay là quận T, thành phố H). Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (Nay là UBND thị xã P, thành phố H); địa chỉ: C P, phường P, thị trấn P, thành phố H,

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình B - chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (Nay là UBND thị xã P, thành phố H);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Đ – chức vụ: Phó chủ tịch UBND thị xã P, thành phố H (theo Giấy uỷ quyền số: 05/GUQ-UBND ngày 21/8/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế) (Nay là UBND thị xã P, thành phố H), ông Hồ Đ có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chi cục thuế khu vực H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Nay là Đội thuế liên huyện H, thành phố H); địa chỉ: A C, phường T, thị xã H, thành phố H;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Hoàng G - Chức vụ: Tổ trưởng tổ quản lý các khoản thu khác (theo văn bản ủy quyền số: 319/HTR-NVDTPC ngày 14/4/2025 của Đội thuế liên huyện H, thành phố H). Ông G có mặt.

+ Ông Trương Duy B1 và bà Lê Thị Á; cùng địa chỉ: Tổ dân phố K, phường P, thị xã P, thành phố H. Ông B1, bà Á có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2024, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa bà Bùi Thụy L trình bày:

Trước đây, bà làm việc tại huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vào năm 2003, bà được Ủy ban nhân dân huyện P giao cho thửa đất số: 36/2, tờ bản đồ số 15, diện tích 200m², ở tại địa chỉ: Thôn K, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế - Theo Quyết định số: 41/QĐ-UBND ngày 07/02/2003 của Ủy ban nhân dân huyện P.

Sau đó, bà được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: V 134364, cấp ngày 07/11/2003, đối với thửa đất được giao theo Quyết định số: 41/QĐ-UBND nói trên.

Hai mươi năm sau, Ủy ban nhân dân huyện P lại ra Quyết định số: 3711/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 để hủy bỏ Quyết định số: 41/QĐ-UBND ngày 07/02/2003, về việc đã giao đất cho bà.

Tiếp theo, Ủy ban nhân dân huyện P ra Thông báo số: 210/TB-UBND ngày 05/12/2023, về việc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp không đúng quy định. Theo đó, Ủy ban thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: V 134364, đã cấp ngày 07/11/2003.

Lý do hủy quyết định và thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: UBND huyện P cho rằng việc giao đất cho bà là vi phạm Điều 21 Luật đất đai năm 1993, bởi vì: Trong 200m² đất đã cấp cho bà thì có đến 155,7m² đất có nguồn gốc do ông Trương Duy B1 và vợ là Lê Thị Á đang sử dụng; 10m² đất thuộc lộ giới (do ông Trương Duy B1 và vợ là Lê Thị Á đang sử dụng); còn lại 34,3m² là đất màu do Đ1 quản lý.

Bà đã có đơn khiếu nại ngày 12/12/2023 đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số: 489/QĐ-UBND ngày 02/02/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P đã giải quyết theo hướng không công nhận nội dung khiếu nại ngày 12/12/2023 của bà.

Nay bà Bùi Thụy L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân thành phố H giải quyết:

1. Hủy Quyết định số: 3711/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P, về việc hủy bỏ Quyết định số: 41/QĐ-UBND ngày 07/02/2003 của Ủy ban nhân dân huyện P, về việc thu hồi, giao đất cho bà Bùi Thụy L.

2. Trường hợp Tòa án cho rằng việc Ủy ban nhân dân huyện P hủy bỏ Quyết định số: 41/QĐ-UBND ngày 07/02/2003 là đúng và cần thiết thì bà yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (Nay là UBND thị xã P, thành phố H) phải thực hiện việc khắc phục, bồi thường thiệt hại cho bà, bởi lẽ: Chính UBND

huyện Phong Điền là người ban hành Quyết định số: 41/QĐ-UBND ngày 07/02/2023. Nay lại hủy bỏ quyết định và thu hồi đất sau khi đã giao cho bà 20 năm, làm bà bị mất quyền sử dụng đối với thửa đất này. Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện P (Nay là UBND thị xã P) là người gây ra thiệt hại thì họ phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

Hướng khắc phục, bồi thường thiệt hại có thể là: Cấp cho bà một lô đất khác có diện tích và giá trị tương đương, hoặc đền bù cho bà theo giá thị trường đối với diện tích đất bị thu hồi.

*** Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Hồ Đ trình bày:**

1. Về nguồn gốc thửa đất số 37, tờ bản đồ số 15 (thửa số 101, tờ bản đồ địa chính số 21 được đo đạc năm 2001) ông Trương Duy B1 hiện đang sử dụng:

Theo hồ sơ Đơn xin giao đất của ông Trương Duy B1 có xác nhận của Đội sản xuất nông nghiệp Đ1 và UBND xã P ngày 24/02/1993 thì nguồn gốc thửa đất hiện ông B1 đang sử dụng là đất trồng màu do Đ1 giao cho ông B1 làm nhà ở vào năm 1989 thuộc thửa 37, tờ bản đồ số 15 có diện tích 1.475m², xã P (bản đồ đo đạc theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Chính Phủ).

Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất được đo đạc năm 2001 có xác định tọa độ thì hộ Trương Duy B1 sử dụng thửa đất số 101, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.695m². Trong Biên bản xác định mốc giới và hồ sơ thửa đất lập ngày 07/12/2001 có chữ ký xác nhận của đại diện chủ sử dụng đất, cán bộ địa chính và Chủ tịch UBND thị trấn P.

Qua xác minh của cơ quan thanh tra đối với ông Trương Duy B1, tổ trưởng Tổ dân phố K, đội trưởng Đội sản xuất Đ1 (cũ) và UBND thị trấn P đã xác nhận diện tích ông Trương Duy B1 hiện đang sử dụng có nguồn gốc là đất trồng màu của Đội sản xuất K giao cho ông B1 sử dụng và làm nhà ở, sử dụng ổn định từ năm 1989.

2. Việc thu hồi, giao đất cho bà Bùi Thụy L tại thửa đất số 36/2, tờ bản đồ 299 (số A).

Ngày 30/9/2002, bà Bùi Thụy L có đơn xin giao đất làm nhà ở tại thửa đất số 36/2, tờ bản đồ số 15, địa chỉ tại P, nguồn gốc đất do UBND thị trấn P quản lý, đơn xin giao đất được UBND thị trấn, UBND huyện xác nhận (thửa đất số 36/2 nằm trong tổng diện tích thửa đất 101, tờ bản đồ số 21)

Ngày 26/12/2002, bà Bùi Thụy L có bản cam kết đền bù cây và đất đổ trên thửa đất được UBND huyện giao vì có người khác đang sử dụng.

Ngày 15/01/2003, phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện có tờ trình đề nghị thu hồi, giao đất cho Bùi Thụy L.

Ngày 07/02/2003, UBND huyện P ra Quyết định số 41/QĐ-UBND giao cho bà Bùi Thụy L thửa đất số 36/2, tờ bản đồ số 15, địa chỉ thôn K, diện tích 200m² để sử dụng vào mục đích xây dựng nhà ở, nguồn gốc đất là đất nông nghiệp do UBND thị trấn P quản lý.

Ngày 12/6/2003, bà Bùi Thụy L có đơn xin đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 36/2, tờ bản đồ số 15, diện tích 200m², được UBND thị trấn P xác nhận ngày 17/6/2003.

Ngày 07/11/2003, UBND huyện ban hành Quyết định 1495/QĐ-UB về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 36/2, tờ bản đồ số 15, diện tích 200m², thôn K, thị trấn P cho bà Bùi Thụy L

Qua kiểm tra hồ sơ giao đất, tại Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất (không ghi ngày tháng năm lập) trong hồ sơ giao đất của 2 hộ có ghi: “Ranh giới thửa đất đã được xác định và cắm mốc rõ ràng. Các chủ sử dụng đất lân cận đã thống nhất ranh giới ngoài thực địa” nhưng không có tên và chữ ký của các chủ sử dụng đất tiếp giáp. Qua kiểm tra thực địa, không có các mốc giới thửa đất.

- Thể hiện tại hồ sơ, ngày 30/5/2018, Phòng T phối hợp với Thanh tra huyện, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện, UBND thị trấn P đã tiến hành kiểm tra thực địa, xác định vị trí thửa đất số 36/2, tờ bản đồ 15 (bản đồ 299/TTg) đã được giao cho bà Bùi Thụy L. Kết quả xác định đối với thửa đất số 36/2 diện tích 200m² có vị trí chồng lấn trên thửa đất số 101, tờ bản đồ số 21 hộ Trương Duy B1 sử dụng là 155,7m² và 10m² thuộc đất lộ giới hộ Trương Duy B1 đang sử dụng, còn lại 34,3m² đất màu do Đội sản xuất nông nghiệp Đ1 quản lý.

Ngày 20/9/2023, Phòng T có Tờ trình số 1362/TTr-PTNMT về việc đề nghị hủy bỏ Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 07/02/2003 của UBND huyện P về việc thu hồi, giao đất cho bà Bùi Thụy L gửi đến UBND huyện.

Ngày 29/11/2023, UBND huyện ban hành Quyết định số 3711/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 07/02/2003 về việc thu hồi, giao đất và thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Bùi Thụy L.

Ngày 12/12/2023, bà Bùi Thụy L có đơn khiếu nại gửi đến UBND huyện về việc Khiếu nại Quyết định số 3711/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc hủy bỏ Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 07/02/2003 về việc thu hồi, giao đất và thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Bùi Thụy L.

Ngày 02/02/2024, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 489/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thụy L trú tại số nhà F, kiệt H Q, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Lần đầu).

- Việc UBND huyện ra Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 07/02/2003 về việc thu hồi, giao đất cho bà Bùi Thụy L là vi phạm quy định tại Điều 21 Luật đất đai năm 1993 (sửa đổi các năm 1998. 2001) “Việc quyết định giao đất đang có người sử dụng cho người khác chỉ được tiến hành sau khi có quyết định thu hồi đất đó”. Đồng thời, các cơ quan chuyên môn lập thủ tục tham mưu UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Bùi Thụy L là không đúng nguồn gốc sử dụng đất, vì vị trí thửa đất 36/2 nằm trên thửa đất hộ Trương Duy B1 sử dụng ổn định từ năm 1989 đến nay.

- Việc UBND huyện ban hành Quyết định số 3711/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc hủy bỏ Quyết định số 41/QĐ-

UB ngày 07/02/2003 về việc thu hồi, giao đất và thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Bùi Thụy L là đúng quy định.

Nay bà Bùi Thụy L khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết huỷ Quyết định số 3711/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P (Nay là thị xã P) về việc huỷ bỏ Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 07/02/2003 của UBND huyện P (Nay là thị xã P) về việc thu hồi, giao đất và thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Bùi Thụy L là không có căn cứ, nên đề nghị Toà án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thụy L.

Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi của bà Bùi Thụy L đã thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước tại thời điểm UBND thị xã P giao đất năm 2002, UBND thị xã kính đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Huế căn cứ các quy định pháp luật hiện hành để xem xét quyết định.

*** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Đội thuế liên huyện H, thành phố H ông Dương Hoàng G trình bày:**

Theo hồ sơ lưu trữ, ngày 21/02/2003 bà Bùi Thụy L thực hiện kê khai nộp tiền sử dụng đất và Lệ phí trước bạ thửa đất số 36/2, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại thôn K, thị trấn P, tỉnh Thừa Thiên Huế (theo Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 07/02/2003 của UBND huyện P về việc thu hồi, cấp đất) tại Chi cục Thuế huyện H (từ 01/7/2019 hợp nhất thành Chi cục Thuế khu vực H). Ngày 24/02/2003, bà L thực hiện nộp 15.700.000 đồng tiền sử dụng đất và 157.000 đồng tiền Lệ phí trước bạ thửa đất nêu trên theo xác định của Cơ quan Thuế (thay cho thông báo) vào ngân sách nhà nước.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thụy L, Đội Thuế liên huyện H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ông Trương Duy B1, bà Lê Thị Á trình bày tại biên bản làm việc ngày 23/4/2025 như sau:**

Thửa đất này vợ chồng ông B1 bà Á đã quản lý sử dụng từ năm 1988. Năm 1989, Sở địa chính về đo đạc để cấp giấy tờ cho ông B1 bà Á. Khi ông B1 bá Ánh làm hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì UBND thị trấn P cho biết thửa đất này không thể cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chồng lấn lên đất của bà Bùi Thụy L. Sau đó ông B1 bà Á đã làm đơn kiến nghị lên UBND huyện P (cũ). UBND huyện P (cũ) đã thành lập đoàn thanh tra để thanh tra thửa đất. Sau khi có kết luận thanh tra, UBND huyện P ban hành Quyết định huỷ bỏ việc thu hồi, giao đất cho bà Bùi Thụy L.

Nguồn gốc thửa đất của bà đã được xác minh rõ ràng. Việc UBND huyện P ban hành Quyết định huỷ bỏ việc thu hồi, giao đất cho bà Bùi Thụy L là đúng. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định tư cách đương

sự; xác minh, thu thập chứng cứ; tổ chức công khai chứng cứ, đối thoại; cấp và tổng đạt các văn bản cho các đương sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại Điều 41, Điều 166, Điều 167, Điều 169, Điều 172, Điều 175, Điều 176, Điều 177, Điều 178, Điều 179, Điều 180, Điều 186, Điều 188, Điều 189, Điều 191 Luật Tổ tụng hành chính.

- Về việc tuân theo pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 60, Điều 61, Điều 157 Luật Tổ tụng hành chính.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính; đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thụy L.

- Về án phí sơ thẩm: Do bà Bùi Thụy L là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trương Duy B1, bà Lê Thị Á có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trương Duy B1 và bà Lê Thị Ánh .

[2] Về đối tượng khởi kiện: Bà Bùi Thụy L khởi kiện yêu cầu huỷ Quyết định số 3711/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thị xã P) về việc huỷ bỏ Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 07/02/2003 của UBND huyện P (nay là thị xã P) về việc thu hồi, giao đất và thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Bùi Thụy L. Việc khởi kiện của bà L là thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 3, Điều 30, Điều 31, khoản 4 Điều 32 Điều 115 Luật tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H) thụ lý là đúng thẩm quyền.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 02/02/2024, Chủ tịch UBND huyện P (nay là thị xã P) ban hành Quyết định số: 489/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thụy L trú tại số nhà F, kiệt H Q, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Nay là quận T, thành phố H) (Lần đầu), đến ngày 27/02/2024 bà Bùi Thị L1 khởi kiện Quyết định số 3711/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P (Nay là thị xã P) về việc huỷ bỏ Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 07/02/2003 của UBND huyện P (nay là thị xã P) về việc thu hồi, giao đất và thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Bùi Thụy L, việc khởi kiện của bà L là còn trong thời hiệu khởi kiện theo điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[4] Về nội dung: Xét thấy bà Bùi Thụy L khởi kiện yêu cầu huỷ Quyết định số 3711/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thị xã

P) về việc huỷ bỏ Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 07/02/2003 của UBND huyện P (nay là thị xã P) về việc thu hồi, giao đất và thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Bùi Thụy L. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguồn gốc thửa đất số 36/2, tờ bản đồ số 15, diện tích 200m², tọa lạc tại Thôn K, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (Nay là tổ dân phố K, thị trấn P, thị xã P, thành phố H): Ngày 30/9/2002, bà Bùi Thụy L có đơn xin giao đất làm nhà ở tại thửa đất số 36/2, tờ bản đồ số 15, địa chỉ tại P, nguồn gốc đất do UBND thị trấn P quản lý, đơn xin giao đất được UBND thị trấn, UBND huyện xác nhận (thửa đất số 36/2 nằm trong tổng diện tích thửa đất 101, tờ bản đồ số 21).

Ngày 26/12/2002, bà Bùi Thụy L có bản cam kết đền bù cây và đất đổ trên thửa đất được UBND huyện giao vì có người khác đang sử dụng.

Ngày 15/01/2003, phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện có tờ trình đề nghị thu hồi, giao đất cho Bùi Thụy L.

Ngày 07/02/2003, UBND huyện P ra Quyết định số 41/QĐ-UBND giao cho bà Bùi Thụy L thửa đất số 36/2, tờ bản đồ số 15, địa chỉ thôn K, diện tích 200m² để sử dụng vào mục đích xây dựng nhà ở, nguồn gốc đất là đất nông nghiệp do UBND thị trấn P quản lý.

Ngày 12/6/2003, bà Bùi Thụy L có đơn xin đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 36/2, tờ bản đồ số 15, diện tích 200m², được UBND thị trấn P xác nhận ngày 17/6/2003.

Ngày 07/11/2003, UBND huyện ban hành Quyết định 1495/QĐ-UB về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 36/2, tờ bản đồ số 15, diện tích 200m², thôn K, thị trấn P cho bà Bùi Thụy L. Cùng ngày 07/11/2003 UBND huyện P (nay là thị xã P) đã cấp Giấy chứng nhận đối với quyền sử dụng đất cho bà Bùi Thụy L.

Qua kiểm tra hồ sơ giao đất, tại Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất (không ghi ngày tháng năm lập) trong hồ sơ giao đất của 2 hộ có ghi: “Ranh giới thửa đất đã được xác định và cắm mốc rõ ràng. Các chủ sử dụng đất lân cận đã thống nhất ranh giới ngoài thực địa” nhưng không có tên và chữ ký của các chủ sử dụng đất tiếp giáp. Qua kiểm tra thực địa, không có các mốc giới thửa đất.

- Thể hiện tại hồ sơ, ngày 30/5/2018, Phòng T phối hợp với Thanh tra huyện, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện, UBND thị trấn P đã tiến hành kiểm tra thực địa, xác định vị trí thửa đất số 36/2, tờ bản đồ số 15 (bản đồ 299/TTg) đã được giao cho bà Bùi Thụy L. Kết quả xác định đối với thửa đất số 36/2 diện tích 200m² có vị trí chồng lấn trên thửa đất số 101, tờ bản đồ số 21 hộ Trương Duy B1 sử dụng là 155,7m² và 10m² thuộc đất lộ giới hộ Trương Duy B1 đang sử dụng, còn lại 34,3m² đất màu do Đội sản xuất nông nghiệp Đ1 quản lý. Việc UBND huyện P (Nay là thị xã P) ban hành Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 07/02/2023 về việc thu hồi, giao đất cho bà Bùi Thụy L là vi phạm quy định tại Điều 21 Luật đất đai năm 1993 (Sửa đổi, bổ sung năm 1998 và năm 2001) “Việc quyết định giao đất đang có người sử dụng cho người khác chỉ được tiến hành sau khi có quyết định thu hồi đất

đó”. Do đó, ngày 29/11/2023 UBND huyện P (nay là thị xã P) ban hành Quyết định số 3711/QĐ-UBND của UBND huyện P (nay là thị xã P) về việc huỷ bỏ Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 07/02/2003 của UBND huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thị xã P, thành phố H) về việc thu hồi, giao đất và thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Bùi Thụy L là có căn cứ, đúng quy định của pháp.

Ngày 12/12/2023 bà Bùi Thụy L có đơn khiếu nại Quyết định số 3711/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND huyện P (nay là thị xã P) về việc huỷ bỏ Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 07/02/2003 của UBND huyện P (nay là thị xã P) về việc thu hồi, giao đất và thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Bùi Thụy L.

Ngày 02/02/2024 Chủ tịch UBND huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là UBND thị xã P, thành phố H) ban hành Quyết định số: 489/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thụy L (lần đầu) có nội dung:

Điều 1. Không công nhận nội dung khiếu nại ghi ngày 12/12/2023 của bà Bùi Thụy L; trú tại số nhà F, kiệt H Q, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là quận T, thành phố H) khiếu nại khiếu nại Quyết định số 3711/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND huyện P (nay là thị xã P) về việc huỷ bỏ Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 07/02/2003 của UBND huyện P (nay là thị xã P) về việc thu hồi, giao đất và thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Bùi Thụy L.

Điều 2. Giao Thanh tra huyện có trách nhiệm giao quyết định này cho bà Bùi Thụy L, trú tại số nhà F, kiệt H Q, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là quận T, thành phố H), huyện P quá trình giao phải lập biên bản.

Điều 3. Trong thời hạn quy định của pháp luật, kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thị xã P), bà Bùi Thụy L có quyền khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh T (nay là thành phố H) hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.”

Xét tính hợp pháp về hình thức, nội dung và thẩm quyền ban hành Quyết định số 3711/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thị xã P, thành phố H) về việc huỷ bỏ Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 07/02/2003 của UBND huyện P (nay là thị xã P, thành phố H) về việc thu hồi, giao đất và thông báo số: 210/TB-UBND ngày 05/12/2023 của UBND huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thị xã P, thành phố H) về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp số V134364 ngày 07/11/2003 đối với thửa đất số 36/2, tờ bản đồ số 15, diện tích 200m², tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là tổ dân phố K, phường P, thị xã P, thành phố H) đã cấp cho bà Bùi Thụy L là có căn cứ, đúng pháp luật. Nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thụy L, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện là có căn cứ.

Đối với yêu cầu của bà Bùi Thụy L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc UBND huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là UBND thị xã P, thành phố H) phải thực hiện

khắc phục bồi thường cho bà: Cấp lại cho bà Bùi Thụy L một lô đất khác có diện tích tương đương hoặc đền bù cho bà theo giá thị trường đối với lô đất mà UBND huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là UBND thị xã P, thành phố H) đã cấp cho bà. Yêu cầu này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án mà thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là UBND thị xã P, thành phố H) hoặc bà có quyền khởi kiện một vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bùi Thụy L, nên bà L phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Do bà Bùi Thụy L là người cao tuổi và có đơn xin được miễn án phí, nên bà L được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 3, Điều 30, Điều 31, khoản 4 Điều 32, Điều 115, Điều 116; khoản 1 Điều 158, Điều 193, Điều 194; Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Điều 64, Điều 66, điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 15/5/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Thông tư số: 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T1 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Nghị định số: 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thụy L về yêu cầu huỷ Quyết định số 3711/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là UBND thị xã P, thành phố H) về việc huỷ bỏ Quyết định số 41/QĐ-UB ngày 07/02/2003 của UBND huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là UBND thị xã P, thành phố H) về việc thu hồi, giao đất và thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Bùi Thụy L.

2. Về án phí: Bà Bùi Thụy L được miễn toàn bộ án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bản án này là sơ thẩm người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Huế;
- Cục THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;
- Lưu Toà HC;
- Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Trọng Cẩn

